

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 670/TTr-TNMT ngày 27/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Đáp Cầu - Lục Ngạn, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng nhà máy may xuất khẩu Lục Ngạn” tại thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng nhà máy may xuất khẩu Lục Ngạn.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty cổ phần Đáp Cầu - Lục Ngạn.

1.3. Địa điểm hoạt động: Thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400559068 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 05/8/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/8/2023.

Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án 20121000392 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 09/5/2012.

1.5. Mã số thuế: 2400559068.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất các sản phẩm may: Sản phẩm quần, sản phẩm dệt kim.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang với diện tích 32.690,2 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất các sản phẩm may: Sản phẩm quần: 1.440.000 sản phẩm/năm; Sản phẩm dệt kim: 2.160.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Đáp Cầu – Lục Ngạn được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty cổ phần Đáp Cầu – Lục Ngạn có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần Đáp Cầu – Lục Ngạn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND

huyện Lục Ngạn nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Ngạn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 17/04/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết dự án “Nhà máy may xuất khẩu Lục Ngạn” tại thôn Bãi Bằng (nay là thôn Bằng Công), xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn do Công ty cổ phần Đáp Cầu-Lục Ngạn làm Chủ dự án đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, UBND huyện Lục Ngạn, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng nhà máy may xuất khẩu Lục Ngạn” tại thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần Đáp Cầu - Lục Ngạn được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 810/QĐ-TNMT ngày 22/08/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Đáp Cầu - Lục Ngạn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND huyện Lục Ngạn, UBND xã Kiên Thành; Công ty cổ phần Đáp Cầu - Lục Ngạn và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ cơ sở (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải nấu ăn phát sinh từ khu nhà bếp của cơ sở.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ăn của cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m³/ngày đêm của cơ sở được xả ra hồ Bầu Lầy.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Bầu Lầy thuộc thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- 01 vị trí tại Hồ Bầu Lầy thuộc thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn khu vực giáp ranh với công ty (phía cuối xưởng sản xuất tính từ cổng đi vào, cách khoảng 20m).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2367020; Y = 452310 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 80 m³/ngày đêm tương đương khoảng 3,33m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m³/ngày đêm của cơ sở đạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) được xả vào hồ Bầu Lầy qua đường ống ngầm PVC D110 dài 15m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hồ Bầu Lầy thuộc thôn Bằng Công, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ 03 nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 180 m³ (mỗi bể tự hoại có thể tích 60 m³) sẽ theo đường ống PVC D110 có tổng chiều dài khoảng 136,6m về bể điều hòa.

- Nước thải từ nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể lắng cặn, tách dầu mỡ thể tích 2,4m³ sẽ theo đường ống PVC D140 có chiều dài 68m về bể điều hòa.

- Nước thải từ nhà ăn được thu gom qua 2 hố ga (Hố ga TN1 kích thước 1,32mx1,32mx0,9m; Hố ga TN2 kích thước 1,4m x 1m x 0,8m), sau đó sẽ theo đường ống PVC D300 có chiều dài 86m về bể điều hòa.

Toàn bộ nước thải sau khi dẫn về bể điều hòa có thể tích 60m³ (bể ngầm, có 07 ngăn lắng lọc, kích thước bể: 10,68mx3,76mx1,5m) đi qua đường cống ngầm

D300 có chiều dài 66m đầu nối vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m³/ngày đêm.

* Nước thải từ quá trình đập bụi của hệ thống xử lý khí thải:

Nước thải từ quá trình đập bụi của hệ thống xử lý khí thải được tuần hoàn không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ nhà bếp và nước thải từ nhà ăn sau khi xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa (07 ngăn lắng lọc kết hợp) → Bể gom → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Bồn trung gian → Cột lọc áp lực → Hồ ga → Hồ Bàu Lầy (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 80m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Clorin 7kg/tháng; Mật rỉ đường 12kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

* Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của

hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể trung hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Nếu kim loại nặng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra khâu sục khí để kiểm tra hiệu quả kết tủa.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải

+ 01 vị trí tại hố ga sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả thải ra hồ Bầu Lầy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: Ngày 17/01/2024	pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD ₅ , tổng chất rắn hòa tan, Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), amoni (tính theo N), sunfua (tính theo H ₂ S), tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động, thực vật,	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
			phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng coliforms.	
2	01 vị trí tại hồ ga sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả thải ra hồ Bầu Lầy.	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần. Thời gian cụ thể như sau: -Lần 1: 17/01/2024 -Lần 2: 18/01/2024 -Lần 3: 19/01/2024	pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD ₅ , tổng chất rắn hòa tan, Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), amoni (tính theo N), sunfua (tính theo H ₂ S), tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động, thực vật, phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng coliforms.	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường tiếp nhận là hồ Bầu Lầy. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Ngạn để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn

01 nguồn khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò hơi công suất 1.000kg/giờ/nồi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Cơ sở có 01 dòng khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đốt nồi hơi của cơ sở.

2.1. Vị trí xả khí thải

01 vị trí tại ống khói khí thải sau hệ thống xử lý. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2368597; Y = 452410 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.120 m³/giờ, tương đương 41.200 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 10 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

ST T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ₃	100	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	CO	mg/Nm ₃	250	
3	SO ₂	mg/Nm ₃	250	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ₃	500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Cơ sở lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải cho lò hơi công suất 1.000kg/giờ (gồm: Ống dẫn khí bằng inox, 01 cyclon lọc bụi khô, 01 bể nước vôi trong dập bụi, 01 quạt hút).

- Khí thải từ quá trình đốt lò hơi được thu gom, xử lý trực tiếp vào 01 cyclon lọc bụi khô. Sau đó, nhờ quạt hút khí thải và bụi được đưa đến bể nước vôi trong để dập bụi lần 2. Khí thải được thoát ra ngoài bằng ống khói được làm bằng Inox D250mm, chiều cao 12m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò hơi: Khí thải → Cyclon lọc bụi khô → Bể nước vôi trong → ống khói (đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 4.120 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải: Nước vôi trong: Khoảng 6 m³/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn nước, các van, đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi công suất 1.000kg/giờ tại thông báo số 1896/TNMT-BVMT ngày 20/10/2015. Do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Ngạn để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn**

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị sản xuất trong khu vực xưởng may.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vị trí đặt quạt hút của khí thải lò hơi.

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vị trí đặt máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)
1	Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng may	X=2368646; Y=452453
2	Nguồn số 02: Tại khu vực lò hơi	X=2368598; Y=452408
3	Nguồn số 03: Tại khu vực máy nén khí	X=2368593; Y=452421

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.

- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.

- Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	20
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	6
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	5
4	Hộp mực in có thành phần nguy hại	4
5	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	20
6	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	10
Tổng		65

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy các loại	430
2	Bìa	215
3	Ni lông	53
4	Vỏ bao dứa	68
5	Vải vụn	2.250
6	Cặn bụi thải	100
7	Xỉ than	2.400
Tổng		5.516

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở phát sinh khoảng 20kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống

bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa chất thải có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại, bên ngoài được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 18m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho thiết kế xây gạch cao 1m và tường tôn cao 1,5m bao xung quanh, mái tôn, chiều cao công trình khoảng 2,5m, nền láng xi măng, có cửa ra vào được gắn biển cảnh báo. Có gờ chống tràn tại cửa ra vào và cát phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất: 06 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 15 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 60 lít/thùng để thu gom rác tại các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải trong khu vực sản xuất.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sản xuất: Kho chứa chất thải sản xuất diện tích 60m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được thiết kế xây gạch bao quanh, mái tôn, cao 3m, nền láng xi măng. Kho chứa được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (tần suất: 01 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn và 03 thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng để thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Toàn bộ chất thải sinh hoạt được thu gom, lưu trữ trong thùng rác dung tích 240L được đặt ở vị trí thích hợp, bố trí bên ngoài nhà xưởng. Công ty không bố trí kho chứa chất thải sinh hoạt.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (tần suất: 02 lần/tuần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty cổ phần Đáp Cầu – Lục Ngạn có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở để đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra ngoài môi trường đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Ngạn trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 670/TTr-TNMT ngày 27/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở.